



**HVAC**

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ  
EURA AUDIT INTERNATIONAL



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Của

**Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
*Kèm theo*

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG**

Trụ sở chính : Số 808, CT5-DN2, Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 \* Fax: (84-4) 3787 1422 \* Hotline: 0914 375 380  
E-mail: [contact@hvac.com.vn](mailto:contact@hvac.com.vn) \* Website: [www.hvac.com.vn](http://www.hvac.com.vn)

VP TP. Hồ Chí Minh: Số B22/20, Đường Bạch Đằng, Phường 02, Quận Tân Bình, TP. HCM  
Tel: (84-8) 3547 1626 \* Fax: (84-8) 3547 1636 \* Hotline: 0989 436 688



HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL



Số. 170/2013/BCTC-HVAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (dưới đây gọi tắt là: "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận). Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Hạn chế kiểm toán

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên độc lập sau ngày 31/12/2012 nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2012. Mặt khác, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đúng đắn của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012;

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ phải thu, nợ phải trả. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đúng đắn của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012;

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính : Số 808, CT5-ĐN2, Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 \* Fax: (84-4) 3787 1422 \* Hotline: 0914 375 380  
E-mail: contact@hvac.com.vn \* Website: www.hvac.com.vn

Trong một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để khẳng định về tính chính xác và hợp lý của công trình xây dựng cơ bản được đầu tư tính đến thời điểm kiểm toán. Do vậy, tại Báo cáo này chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” của Công ty. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi Công ty đã thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Đậu Thị Hồng Hải**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0678/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH**  
**KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG (HVAC)**  
*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2013*

**Ngô Quốc Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1285/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>21.224.215.906</b>	<b>17.389.801.477</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.511.894.316</b>	<b>7.683.742.339</b>
1. Tiền	111	5.1	9.511.894.316	7.683.742.339
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.566.824.990</b>	<b>3.501.759.639</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	2.747.854.912	2.589.464.295
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	80.510.000	115.466.000
3. Phải thu nội bộ	133		150.890.532	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	1.587.569.546	796.829.344
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.267.358.400</b>	<b>5.243.499.722</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	6.267.358.400	5.243.499.722
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>878.138.200</b>	<b>960.799.777</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	22.663.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	878.138.200	938.135.892
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>81.643.771.668</b>	<b>81.220.049.133</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.310.756.172</b>	<b>79.081.919.802</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	22.864.030.209	25.012.535.994
- Nguyên giá	222		36.975.230.965	37.186.451.497
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.111.200.756)	(12.173.915.503)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.874.900	3.749.700
- Nguyên giá	228		15.000.000	15.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.125.100)	(11.250.300)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	55.444.851.063	54.065.634.108
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.533.015.496</b>	<b>338.129.331</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.533.015.496	338.129.331
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>102.867.987.574</b>	<b>98.609.850.610</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>8.411.099.913</b>	<b>5.129.803.835</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.122.299.913</b>	<b>2.086.291.714</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	150.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	5.13	4.152.177.398	829.795.126
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	319.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	275.211.110	31.244.748
5. Phải trả người lao động	315		348.859.900	246.581.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	77.020.011
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.16	724.986.880	814.744.787
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		112.085.000	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		39.979.625	86.906.042
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.288.800.000</b>	<b>3.043.512.121</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	2.288.800.000	3.028.800.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	14.712.121
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>94.456.887.661</b>	<b>93.480.046.775</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>93.348.778.521</b>	<b>93.546.329.175</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		33.478.600.052	33.385.191.052
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.342.445	129.751.445
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		110.366.556	110.366.556
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		119.677.346	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		59.603.792.122	59.921.020.122
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.108.109.140</b>	<b>(66.282.400)</b>
2. Nguồn kinh phí	432	5.19	1.108.109.140	(66.282.400)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>102.867.987.574</b>	<b>98.609.850.610</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thế An*



*Bùi Đại Phong*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2012*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	27.334.596.827	41.479.960.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	9.726.000
<b>3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>27.334.596.827</b>	<b>41.470.234.254</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	27.588.822.157	41.037.516.320
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(254.225.330)</b>	<b>432.717.934</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	164.077.704	69.874.228
7. Chi phí tài chính	22	5.23	135.975.493	242.500.599
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		135.975.493	-
8. Chi phí bán hàng	24		42.800.000	84.580.501
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.319.167.270	2.723.009.874
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>(2.588.090.389)</b>	<b>(2.547.498.812)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.24	4.550.085.301	4.573.462.146
12. Chi phí khác	32	5.25	1.827.225.598	1.840.909.902
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.722.859.703</b>	<b>2.732.552.244</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>134.769.314</b>	<b>185.053.432</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	15.091.968	27.134.351
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>119.677.346</b>	<b>157.919.081</b>

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thế Ân*



*Bùi Đại Phong*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.952.937.832	53.462.840.370
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(19.848.322.340)	(59.283.086.039)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.521.792.246)	(2.906.634.562)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(30.509.999)	(18.916.667)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(19.392.023)	(18.183.395)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		25.244.685.989	4.625.695.603
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(15.323.209.554)	(1.295.722.628)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.454.397.659</b>	<b>(5.434.007.318)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.018.582.931)	(5.667.800.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		818.259.545	1.380.999.418
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		164.077.704	69.874.228
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.036.245.682)</b>	<b>(4.216.926.800)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		530.000.000	500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.120.000.000)	(1.085.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(590.000.000)</b>	<b>(585.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>1.828.151.977</b>	<b>(10.235.934.118)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.683.742.339</b>	<b>17.919.676.457</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>9.511.894.316</b>	<b>7.683.742.339</b>

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thị Bình*



*Bùi Đại Phong*

## **CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Giống gia súc Hà Nội theo quyết định số 105/2007/QĐ-UBND ngày 23/06/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000492 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 12/4/2012, Theo đó:

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI
- Tên giao dịch : HANOI LIVESTOCK BREEDING COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt : CÔNG TY GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI
- Vốn Điều lệ : 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng Việt Nam)
- Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam)
- Trụ sở hoạt động : Số 1152 Đường Láng - Phường Láng Thượng - Quận Đống Đa  
Thành phố Hà Nội.

#### **Công ty có các đơn vị trực thuộc:**

- Xí nghiệp Xây dựng số 1 (được đổi tên từ Xí nghiệp Xây dựng và Kinh doanh nhà);
- Xí nghiệp Xây dựng và XNK Nông lâm sản;
- Nhà máy sữa Phù Đổng.

Các đơn vị thực hiện hạch toán phụ thuộc, được quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, chăn nuôi gia súc giống gốc lợn, bò sữa; chế biến thức ăn gia súc; dịch vụ vật tư kỹ thuật thú y và các dịch vụ khác, xây dựng và thương mại.

### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Chăn nuôi trâu bò;
- ✓ Chăn nuôi lợn;
- ✓ Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- ✓ Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- ✓ Hoạt động thú y;
- ✓ Chăn nuôi thú y
- ✓ Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- ✓ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;



**CÔNG TY TNHH MTV GIỒNG GIA SỨC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- ✓ Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- ✓ Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- ✓ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- ✓ Phá dỡ;
- ✓ Xây dựng nhà các loại;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- ✓ Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- ✓ Hoạt động chuyên môn, kho học và công nghệ khác chưa phân vào đâu;
- ✓ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- ✓ Xây dựng công trình công ích;
- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Hoạt động kiến trúc có liên quan - Giám sát thi công xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình;
- ✓ Đại lý du lịch;
- ✓ Điều hành tua du lịch;
- ✓ Đại lý;
- ✓ Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

**1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm không có sự kiện nào trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

#### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ tài chính đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **4.2. Các khoản phải thu của khách hàng**

Các khoản phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá ghi trên hoá đơn, chứng từ.

**CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Lập dự phòng phải thu khó đòi: khi xác định khoản phải thu là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**4.5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

**4.6. Tài sản cố định vô hình*****Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong phù hợp với thời gian hữu dụng của tài sản.

**4.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản Công ty được giao quản lý vốn Nhà nước tại Công ty Đông Thành (chiếm 3% vốn điều lệ của Công ty Đông Thành).

**4.8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

3204  
 VG  
 IEM H  
 A TOA  
 VUC  
 TP

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **4.9. Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm, 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

#### **4.10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

#### **4.11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu”.

#### **4.12. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại Việt Nam tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại ngày cuối kỳ và được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

**4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính/cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu trên khoản phải thu từ khách hàng do thanh toán chậm so với thời hạn thanh toán và các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.

Doanh thu khác được ghi nhận khi có được các bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

**4.15. Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định;
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần

**CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được khách hàng phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**4.16. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**4.17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	513.176.426	389.988.205
Tiền gửi ngân hàng (VND)	8.998.717.890	7.284.590.602
Tiền gửi ngân hàng (USD)	-	9.163.532
<b>Cộng</b>	<b>9.511.894.316</b>	<b>7.683.742.339</b>

**CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.2. Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Văn phòng Công ty	1.673.383.992	1.070.436.995
Xí nghiệp Xây dựng số 1	174.545.000	1.045.090.000
Xí nghiệp Xây dựng và XNK Nông lâm sản	899.925.920	473.937.300
<b>Cộng</b>	<b>2.747.854.912</b>	<b>2.589.464.295</b>

**5.3. Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Văn phòng Công ty	80.510.000	115.466.000
<b>Cộng</b>	<b>80.510.000</b>	<b>115.466.000</b>

**5.4. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	611.300	-
Bảo hiểm xã hội	122.831.403	31.936.501
Các khoản phải thu khác	1.464.126.843	764.892.843
<b>Cộng</b>	<b>1.587.569.546</b>	<b>796.829.344</b>

**5.5. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên liệu, vật liệu	1.477.298.413	964.291.613
Công cụ, dụng cụ	253.932.291	9.557.416
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.798.657.787	3.982.052.333
Hàng hóa	737.469.909	287.598.360
<b>Cộng</b>	<b>6.267.358.400</b>	<b>5.243.499.722</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<b>6.267.358.400</b>	<b>5.243.499.722</b>

**5.6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tạm ứng	772.751.200	938.135.892
Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	105.387.000	-
<b>Cộng</b>	<b>878.138.200</b>	<b>938.135.892</b>

**CÔNG TY TNHH MTV GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Đàn gia súc		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYỄN GIÁ</b>											
Tại ngày 01/01/2012	14.145.692.748	9.235.621.396	1.458.090.168	133.756.702	12.213.290.483	37.186.451.497					
Tăng trong năm	93.409.000	14.300.000	-	-	2.259.236.400	2.366.945.400					
- Đầu tư XD CB hoàn thành	93.409.000	14.300.000	-	-	-	107.709.000					
- Tăng khác	-	-	-	-	2.259.236.400	2.259.236.400					
Giảm trong năm	115.577.800	-	-	-	2.462.588.132	2.578.165.932					
- Thanh lý, nhượng bán	115.577.800	-	-	-	2.462.588.132	2.578.165.932					
Tại ngày 31/12/2012	14.123.523.948	9.249.921.396	1.458.090.168	133.756.702	12.009.938.751	36.975.230.965					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>											
Tại ngày 01/01/2012	4.079.724.146	2.957.697.902	749.753.324	77.724.171	4.309.015.960	12.173.915.503					
Tăng trong năm	836.577.720	873.697.308	228.692.351	26.751.540	1.767.421.499	3.733.140.417					
- Số khấu hao trong năm	836.577.720	873.697.308	228.692.351	26.751.540	1.767.421.499	3.733.140.417					
Giảm trong năm	78.761.450	-	-	-	1.717.093.714	1.795.855.164					
- Thanh lý, nhượng bán	78.761.450	-	-	-	1.717.093.714	1.795.855.164					
Tại ngày 31/12/2012	4.837.540.416	3.831.395.210	978.445.675	104.475.711	4.359.343.745	14.111.200.756					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Tại ngày 01/01/2012	10.065.968.602	6.277.923.494	708.336.844	56.032.531	7.904.274.523	25.012.535.994					
Tại ngày 31/12/2012	9.285.983.533	5.418.526.186	479.644.493	29.280.991	7.650.595.007	22.864.030.209					

TP  
VỤC  
1 TO  
IEM  
VG  
3204



**CÔNG TY TNHH MTV GIỒNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	15.000.000	15.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	15.000.000	15.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	11.250.300	11.250.300
Tăng trong năm	1.874.800	1.874.800
- Số khấu hao trong năm	1.874.800	1.874.800
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2012	13.125.100	13.125.100
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2012	3.749.700	3.749.700
Tại ngày 31/12/2012	1.874.900	1.874.900

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b>55.444.851.063</b>	<b>54.065.634.108</b>
<i>Trong đó:</i>		
Công trình di dời đàn lợn sang Phù Đổng	8.264.449.000	6.640.263.000
Công trình khu Sài Đồng	251.995.308	251.995.308
Xây dựng trại lợn Kiều Ky	46.880.209.926	47.158.245.471
Các công trình khác	15.130.329	15.130.329
Sửa chữa lớn TSCĐ	33.066.500	-
<b>Cộng</b>	<b>55.444.851.063</b>	<b>54.065.634.108</b>

**5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>
- Quản lý vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Đông Thành Hà Nội	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

**CÔNG TY TNHH MTV GIỒNG GIA SỨC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tại Văn phòng Công ty	407.512.731	338.129.331
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 1	1.125.502.765	-
<b>Cộng</b>	<b>1.533.015.496</b>	<b>338.129.331</b>

**5.12. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn Cá nhân	150.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>

**5.13. Phải trả người bán**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	612.576.898	427.659.226
Xí nghiệp Xây dựng số 1	1.541.680.500	402.135.900
Xí nghiệp Xây dựng và XNK Nông lâm sản	1.997.920.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.152.177.398</b>	<b>829.795.126</b>

**5.14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xí nghiệp Xây dựng số 1	319.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>319.000.000</b>	<b>-</b>

**5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	76.270.352	23.481.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.462.961	7.763.016
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	195.477.797	-
<b>Cộng</b>	<b>275.211.110</b>	<b>31.244.748</b>

**Lưu ý:** - Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	724.986.880	814.744.787
<b>Cộng</b>	<b>724.986.880</b>	<b>814.744.787</b>

**5.17. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vay dài hạn đối tượng khác ( <i>Vay CB_CNV công ty</i> )	2.288.800.000	3.028.800.000
<b>Cộng</b>	<b>2.288.800.000</b>	<b>3.028.800.000</b>



**CÔNG TY TNHH MTV GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**Mẫu B09-DN****5.18. Nguồn vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
	VND	VND					
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>29.174.126.652</b>	<b>309.234.967</b>	<b>94.574.648</b>	<b>-</b>	<b>63.428.493.825</b>	<b>93.006.430.092</b>	<b>VND</b>
- Tăng vốn trong năm trước	4.211.064.400	85.276.304	15.791.908	-	-	4.312.132.612	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	157.919.081	-	157.919.081	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	396.590.697	
- Giảm vốn trong năm trước	-	264.759.826	-	157.919.081	3.904.064.400	4.326.743.307	
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>33.385.191.052</b>	<b>129.751.445</b>	<b>110.366.556</b>	<b>-</b>	<b>59.921.020.122</b>	<b>93.546.329.175</b>	
- Tăng vốn trong năm nay	93.409.000	-	-	-	93.409.000	186.818.000	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	119.677.346	-	119.677.346	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Giảm vốn trong năm nay	-	93.409.000	-	-	93.409.000	186.818.000	
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	317.228.000	317.228.000	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>33.478.600.052</b>	<b>36.342.445</b>	<b>110.366.556</b>	<b>119.677.346</b>	<b>59.603.792.122</b>	<b>93.348.778.521</b>	

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vốn góp của Nhà nước	33.478.600.052	33.385.191.052
<b>Cộng</b>	<b>33.478.600.052</b>	<b>33.385.191.052</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	33.385.191.052	29.174.126.652
- Vốn góp tăng trong năm	93.409.000	4.211.064.400
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	33.478.600.052	33.385.191.052
<b>d. Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Quỹ đầu tư phát triển	36.342.445	129.751.445
Quỹ dự phòng tài chính	110.366.556	110.366.556
<b>Cộng</b>	<b>146.709.001</b>	<b>240.118.001</b>
<b>5.19. Nguồn kinh phí</b>		
	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(66.282.400)	3.199.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	11.414.945.000	611.034.000
Chi sự nghiệp	10.240.553.460	3.876.316.400
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>1.108.109.140</b>	<b>(66.282.400)</b>
<b>5.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu bán hàng hóa	1.570.841.745	23.352.036.952
Doanh thu bán các thành phẩm	14.492.964.387	16.417.809.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.792.216.379	610.000.000
Doanh thu trợ cấp, trợ giá	2.828.347.000	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	650.227.316	1.100.114.286
<b>Cộng</b>	<b>27.334.596.827</b>	<b>41.479.960.254</b>

3204  
 VG T  
 IEM H  
 A TOA  
 VUD  
 TP

**CÔNG TY TNHH MTV GIỒNG GIA SÚC HÀ NỘI**Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.21. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.369.169.360	23.248.224.380
Giá vốn của thành phẩm đã bán	18.715.787.593	16.125.121.120
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.736.133.636	568.259.792
Giá vốn của hoạt động xây dựng	3.767.731.568	1.095.911.028
<b>Cộng</b>	<b>27.588.822.157</b>	<b>41.037.516.320</b>

**5.22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.260.326	39.874.228
Cổ tức lợi nhuận được chia	33.817.378	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>164.077.704</b>	<b>69.874.228</b>

**5.23. Chi phí tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	135.975.493	242.500.599
<b>Cộng</b>	<b>135.975.493</b>	<b>242.500.599</b>

**5.24. Thu nhập khác**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	958.259.545	1.380.999.418
Hoàn nhập Dự phòng trợ cấp mất việc làm	14.712.121	-
Thu nhập khác (GPMB, HĐ liên kết)	3.577.113.635	3.192.462.728
<b>Cộng</b>	<b>4.550.085.301</b>	<b>4.573.462.146</b>

**5.25. Chi phí khác**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	782.310.768	1.166.244.102
Chi phí khấu hao TSCĐ	986.560.285	-
Chi phí khác	58.354.545	674.665.800
<b>Cộng</b>	<b>1.827.225.598</b>	<b>1.840.909.902</b>

**CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.26. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>134.769.314</b>	<b>185.053.432</b>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>48.529.499</b>	<b>30.000.000</b>
- Thu nhập không chịu thuế	33.817.378	30.000.000
- Hoàn nhập Dự phòng trợ cấp mất việc làm	14.712.121	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>86.239.815</b>	<b>155.053.432</b>
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành trong năm	21.559.954	38.763.358
Thuế được giảm 30% trong năm	6.467.986	11.629.007
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>15.091.968</b>	<b>27.134.351</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**6.2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương.

**6.3. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Ngày 08 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Thị An



*[Handwritten signature]*  
Bùi Đại Phong

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán	05 - 06
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	11 - 26



**CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1152 Đường Láng, phường Láng Thượng  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội đệ trình Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Giống gia súc Hà Nội theo quyết định số 105/2007/QĐ-UBND ngày 23/06/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000492 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 12/4/2012, Theo đó:

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI
- Tên giao dịch : HANOI LIVESTOCK BREEDING COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt : CÔNG TY GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI
- Vốn Điều lệ : 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ đồng Việt Nam)
- Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam)
- Trụ sở hoạt động : Số 1152 Đường Láng - Phường Láng Thượng - Quận Đống Đa - TP.Hà Nội.

**Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- ✓ Chăn nuôi trâu bò;
- ✓ Chăn nuôi lợn;
- ✓ Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- ✓ Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- ✓ Hoạt động thú y;
- ✓ Chăn nuôi thú y
- ✓ Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- ✓ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ✓ Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- ✓ Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- ✓ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- ✓ Phá dỡ;
- ✓ Xây dựng nhà các loại;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- ✓ Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- ✓ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu;
- ✓ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- ✓ Xây dựng công trình công ích;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Hoạt động kiến trúc có liên quan - Giám sát thi công xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình;
- ✓ Đại lý du lịch;
- ✓ Điều hành tua du lịch;
- ✓ Đại lý;
- ✓ Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

**Công ty có các đơn vị trực thuộc:**

- Xí nghiệp Xây dựng số 1 (được đổi tên từ Xí nghiệp Xây dựng và Kinh doanh nhà);
- Xí nghiệp Xây dựng và XNK Nông lâm sản;
- Nhà máy sữa Phù Đổng.

Các đơn vị thực hiện hạch toán phụ thuộc, được quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

**Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Bùi Đại Phong	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Quang Vinh	Phó Tổng giám đốc
Ông Trịnh Danh Nhưồng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thế Ân	Kế toán trưởng

**Tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2012 kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**Các sự kiện sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính**

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng kiểm toán Eura Audit International đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc**



**Bùi Đại Phong**

**Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2013



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ  
EURA AUDIT INTERNATIONAL



• VPDD Yên Bái

ĐC: Số 126 Đường Điện Biên, Phường Yên Ninh, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái  
Hotline: 0982 156 772

• VPDD Hà Giang

ĐC: Tổ 18, Phường Nguyễn Trãi, TX. Hà Giang, Tỉnh Hà Giang  
Hotline: 0978 462 299

• VPDD Bắc Kạn

ĐC: Số nhà 238, Tổ 5, Phường Nguyễn Thị Minh Khai, TX. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn  
Hotline: 0987 928 936

• VPDD Thái Nguyên

ĐC: 349 Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên  
Hotline: 0915 197 919

• VPDD Bắc Giang

ĐC: Phố Bai Bò, Xã Tân Mỹ, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang  
Hotline: 0913 073 213

• VPDD Vĩnh Phúc

ĐC: Đường Hùng Vương, Tiên Châu, Thị Xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
Hotline: 0989 319 239

• VPDD Hải Phòng

ĐC: Số 35 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng  
Hotline: 0983 566 878

• VPDD Nghệ An

ĐC: Số 2/32 Lê Hồng Phong, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An  
Hotline: 0947 809 888

• VPDD Đà Nẵng

ĐC: Lô số 1, Tổ 21, Đường Hoàng Kế Viêm, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.  
Hotline: 0973 824 588

• VPDD Quảng Ngãi

ĐC: 100/1 Nguyễn Du, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi  
Hotline: 0977 77 55 44

• VPDD Buôn Mê Thuột

ĐC: 129/4 Nơ Trang Giỏi, Phường Tân Tiến, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
Hotline: 0932 478 686

• VPDD TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

ĐC: Lô C4, khu quy hoạch Phú Đồng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng  
Hotline: 0918 815 975

• VPDD TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

ĐC: 06 Mậu Thân, phường Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang  
ĐT: 077 3863 263  
FAX: 077 3920 347

• VPDD Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

ĐC: 13 Trần Hưng Đạo, TT. Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang  
Tel: 077 3981 008  
FAX: 077 3981 008

• VPDD Bà Rịa Vũng Tàu

ĐC: Tổ 4, Ấp Mỹ Tân, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
Hotline: 0963 757 379